TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 9 – 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Giang.

2. Ông Vũ Minh Hoàng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Nhật – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 227/2024/TLST - HNGĐ ngày 12/7/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lữ Thu R, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp Sào Lưới T, xã Nguyễn Việt K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn N, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp Sào Lưới T, xã Nguyễn Việt K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Lữ Thu R và anh Trịnh Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu giữa vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2015, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ý kiến, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh N không quan tâm đến gia đình từ đó đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, hiện chị và anh N đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay nên chị R yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung, chị Lữ Thu R và anh Trịnh Văn N chung sống với nhau có 01 người con chung là Trịnh Nguyên Bách, sinh ngày 10/8/2010. Hiện con đang chung

sống với chị R nên khi ly hôn, chị R yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Lữ Thu R khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trịnh Văn N (bị đơn), tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do bị đơn không trực tiếp đến Tòa cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên lời trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân được chấp nhận. Cũng chính từ mâu thuẫn nêu trên, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn và hiện các đương sự không chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Do đó, có căn cứ để nhận định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Do bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản ý kiến cho Tòa xem xét nên chưa đủ cơ sở để khẳng định việc giao con cho bị đơn nuôi dạy sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con. Hơn nữa, việc ly hôn giữa các đương sự đã phần nào xáo trộn đến cuộc sống bình thường và tâm lý của con trẻ, hiện cháu Bách có nguyện vọng được chung sống với nguyên đơn. Vì vậy, cần hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng tâm lý, cuộc sống của con nên tiếp tục giao con cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con, đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với con cái nhưng nguyên đơn không đặt ra yêu cầu – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt xem xét về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lữ Thu R về việc xin ly hôn anh Trịnh Văn N.

- Về con chung là Trịnh Nguyên Bách, sinh ngày 10/8/2010. Khi ly hôn, tiếp tục giao con cho chị Lữ Thu R chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm anh Trịnh Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trịnh Văn N có quyền đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Lữ Thu R khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Lữ Thu R phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 12/7/2024, chị R đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003704 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị R có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND thị trấn C,
H. Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân